

**BÁO CÁO NHANH TÌNH HÌNH THU HÚT
ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM VÀ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT
NAM RA NƯỚC NGOÀI 8 THÁNG NĂM 2023**

Tính đến 20/08/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp (GVMCP) của nhà ĐTNN đạt **gần 18,15 tỷ USD, tăng 8,2%** so với cùng kỳ. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt khoảng **13,1 tỷ USD, tăng 1,3%** so với cùng kỳ năm 2022.

Tính lũy kế đến ngày 20/08/2023, cả nước có **38.084** dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký **453,26 tỷ USD**. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt **gần 287,1 tỷ USD**, bằng 63,3% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

Thông tin chi tiết như sau:

I. VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

1. Tình hình thu hút ĐTNN 8 tháng đầu năm 2023

1.1. Tình hình hoạt động

Vốn thực hiện:

Tính tới 20/08/2023, ước tính các dự án đầu tư nước ngoài đã giải ngân được khoảng 13,1 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2022, tăng 0,5 điểm phần trăm so với 7 tháng đầu năm.

Tình hình xuất, nhập khẩu:

Xuất khẩu: Xuất khẩu (kể cả dầu thô) của khu vực ĐTNN ước đạt gần 165,69 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ, chiếm 73,7% kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu không kể dầu thô ước đạt gần 164,38 tỷ USD, giảm 11,4%, chiếm 73,1% kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Nhập khẩu: Nhập khẩu của khu vực ĐTNN ước đạt gần 133,68 tỷ USD, giảm 16,9% so cùng kỳ và chiếm 64,4% kim ngạch nhập khẩu cả nước.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm trong 8 tháng năm 2023, khu vực ĐTNN vẫn xuất siêu hơn 32 tỷ USD kể cả dầu thô và xuất siêu hơn 30,7 tỷ USD không kể dầu thô. Trong khi đó, khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu hơn 14,7 tỷ USD.

1.2. Tình hình đăng ký đầu tư

Tính đến 20/08/2023, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà ĐTNN gần 18,15 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ, tăng 3,7 điểm phần trăm so với 7 tháng đầu năm. Ngoài vốn

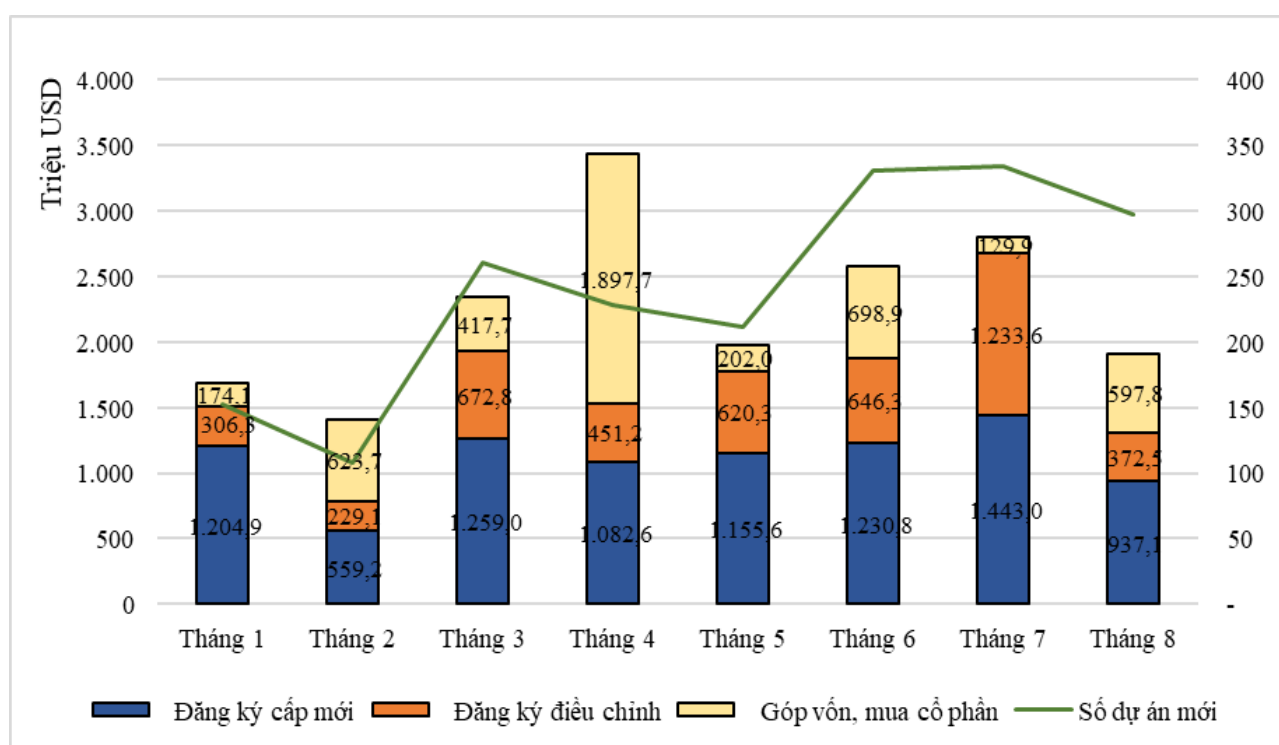
đầu tư điều chỉnh giảm thì vốn đầu tư mới và GVMCP tiếp tục tăng hơn so với cùng kỳ. Cụ thể:

Đầu tư mới: Có 1.924 dự án mới được cấp GCNĐKĐT (**tăng 69,5%** so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký đạt hơn 8,87 tỷ USD (**tăng 39,7%** so với cùng kỳ).

Điều chỉnh vốn: Có 830 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (**tăng 22,8%** so với cùng kỳ), tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt hơn 4,53 tỷ USD (**giảm 39,7%** so với cùng kỳ).

Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp: Có 2.268 giao dịch GVMCP của nhà ĐTNN (**giảm 6,5%** so với cùng kỳ), tổng giá trị vốn góp đạt hơn 4,47 tỷ USD (**tăng 62,8%** so với cùng kỳ).

Cơ cấu vốn ĐTNN 8 tháng năm 2023 theo tháng và theo cách thức đầu tư vốn



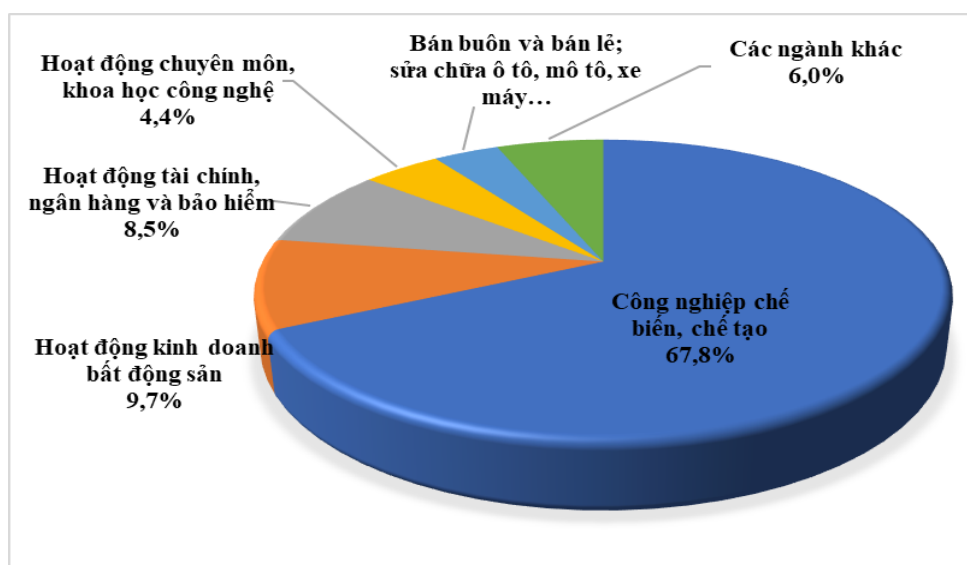
(Biểu số liệu chi tiết tại Phụ lục I kèm theo báo cáo).

Theo ngành:

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 13 tỷ USD, chiếm gần 67,8% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 14,7% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư hơn 1,76 tỷ USD, chiếm hơn 9,7% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm 47,2% so với cùng kỳ. Các ngành tài chính ngân hàng, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ xếp thứ 3 và 4 với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt gần 1,54 tỷ USD (**gấp gần 63,7 lần**) và gần 800 triệu USD (**tăng 28,9%**). Còn lại là các ngành khác.

Xét về số lượng dự án mới, công nghiệp chế biến chế tạo cũng là ngành dẫn đầu về số dự án mới (*chiếm 31,2%*) và điều chỉnh vốn (*chiếm 56,5%*). Bán buôn, bán lẻ dẫn đầu về số giao dịch GVMCP (*chiếm 42,4%*).

Cơ cấu ĐTNN 8 tháng năm 2023 theo ngành

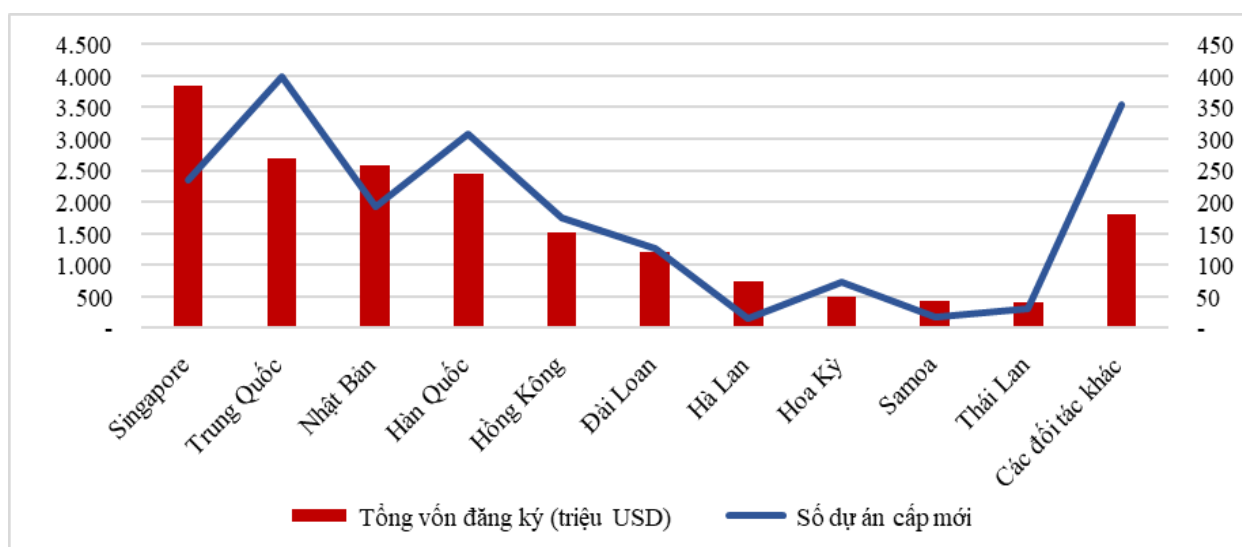


Theo đối tác đầu tư:

Trong 8 tháng đầu năm 2023, đã có 100 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 3,83 tỷ USD, chiếm hơn 21,2% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, giảm 15,4% so với cùng kỳ 2022; Trung Quốc đứng thứ hai với gần 2,69 tỷ USD, chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư, tăng 90,8% so với cùng kỳ. Nhật Bản đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 2,58 tỷ USD, chiếm hơn 14,2% tổng vốn đầu tư, tăng 73,1% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan,...

Xét về số dự án, Trung Quốc dẫn đầu về số dự án mới (*chiếm 20,7%*). Hàn Quốc dẫn đầu về số lượt điều chỉnh vốn (*chiếm 27,6%*) và GVMCP (*chiếm 28,7%*).

Cơ cấu ĐTNN 8 tháng năm 2023 theo đối tác

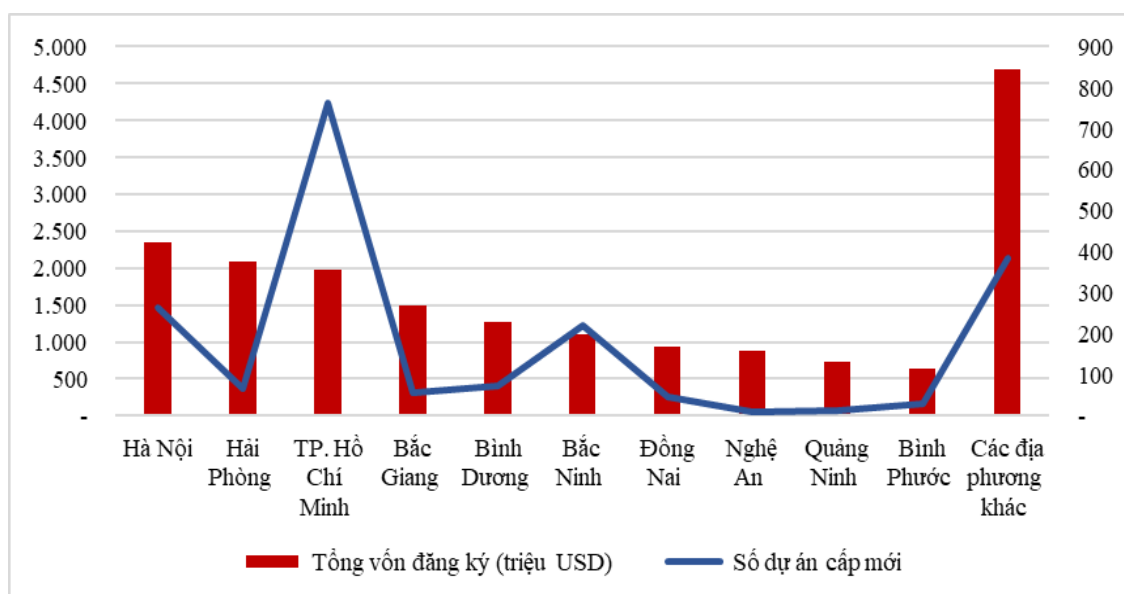


Theo địa bàn đầu tư:

Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 54 tỉnh, thành phố trên cả nước trong 8 tháng đầu năm 2023. Hà Nội dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 2,34 tỷ USD, chiếm gần 12,9% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng gấp 2,89 lần so với cùng kỳ năm 2022. Hải Phòng xếp thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 2,08 tỷ USD, chiếm gần 11,5% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 72,2% so với cùng kỳ¹. Tiếp theo lần lượt là TP. Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bình Dương,...

Nếu xét về số dự án, TP Hồ Chí Minh là địa bàn dẫn đầu cả nước cả về số dự án mới (39,6%), số lượt dự án điều chỉnh (23,4%) và GVMCP (67%).

Cơ cấu ĐTNN 8 tháng năm 2023 theo địa phương



(Biểu số liệu chi tiết tại Phụ lục II kèm theo báo cáo).

2. Nhận xét về tình hình đầu tư nước ngoài 8 tháng năm 2023.

- Vốn đầu tư thực hiện của các dự án ĐTNN tiếp tục tăng so với cùng kỳ (1,3%) và so với 7 tháng đầu năm (0,5 điểm phần trăm). Các giải pháp quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong những tháng đầu năm đã mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư.

- Tổng vốn đầu tư đăng ký tiếp tục duy trì mức tăng (tăng 8,2% so với cùng kỳ) và tăng mạnh hơn so với 7 tháng (tăng 3,7 điểm phần trăm).

- Vốn đầu tư điều chỉnh tiếp tục có xu hướng cải thiện hơn theo từng tháng² so với các tháng đầu năm. Số lượt dự án điều chỉnh vốn cũng duy trì mức tăng so với cùng kỳ, khẳng định niềm tin của các nhà đầu tư vào môi

¹ Vốn đầu tư của Hải Phòng tăng mạnh trong 8 tháng năm 2023 do có dự án LG Innotek Hải Phòng điều chỉnh tăng vốn thêm 1 tỷ USD.

² Vốn đầu tư điều chỉnh 8 tháng giảm 39,7%, thấp hơn mức giảm 42,5% trong 7 tháng, mức giảm 57,1% trong 6 tháng, mức giảm 59,4% trong 5 tháng, mức giảm 68,6% trong 4 tháng, mức giảm 70,3% trong 03 tháng và mức giảm 85,2% trong 02 tháng đầu năm 2023

trường đầu tư của Việt Nam và tiếp tục đưa ra các quyết định mở rộng dự án hiện hữu.

- Các dự án đầu tư mới vẫn tập trung vào các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút ĐTNN (*cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân lực ổn định, nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và năng động trong công tác xúc tiến đầu tư,...*) như Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Bắc Giang, Bình Dương, Bắc Ninh, Đồng Nai,...

- Các nhà đầu tư đến từ Châu Á, các đối tác đầu tư truyền thống vẫn chiếm tỷ trọng lớn (*Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan*). Riêng 6 đối tác này đã chiếm tới 78,7% tổng vốn đầu tư của cả nước trong 7 tháng.

- Xuất khẩu của khu vực ĐTNN giảm sâu hơn 7 tháng song khu vực ĐTNN vẫn xuất siêu và bù đắp phần nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước. Với mức xuất siêu hơn 32 tỷ USD kể cả dầu thô và xuất siêu hơn 30,7 tỷ USD không kể dầu thô, khu vực ĐTNN đã bù đắp phần nhập siêu hơn 14,7 tỷ USD của khu vực doanh nghiệp trong nước, là bộ đỡ giúp cả nước xuất siêu khoảng 17,3 tỷ USD.

3. Tình hình ĐTNN lũy kế tới 20/08/2023

Tính lũy kế đến ngày 20/08/2023, cả nước có 38.084 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 453,26 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt gần 287,1 tỷ USD, bằng 63,3% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực.

- Theo ngành: các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với hơn 272,2 tỷ USD (*chiếm 60,1% tổng vốn đầu tư*). Tiếp theo là các ngành kinh doanh bất động sản với hơn 67,2 tỷ USD (*chiếm 14,8% tổng vốn đầu tư*); sản xuất, phân phối điện với hơn 38,4 tỷ USD (*chiếm gần 8,5% tổng vốn đầu tư*).

- Theo đối tác đầu tư: Hiện có 143 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký gần 83,1 tỷ USD (*chiếm 18,3% tổng vốn đầu tư*). Singapore đứng thứ hai với gần 72,7 tỷ USD (*chiếm 16% tổng vốn đầu tư*). Tiếp theo lần lượt là Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông.

- Theo địa bàn: ĐTNN đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó TP Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu trong thu hút ĐTNN với gần 57,12 tỷ USD (*chiếm 12,6% tổng vốn đầu tư*); tiếp theo là Bình Dương với hơn 40,16 tỷ USD (*chiếm gần 8,9% tổng vốn đầu tư*); Hà Nội với gần 39,3 tỷ USD (*chiếm gần 8,7% tổng vốn đầu tư*).

(*Biểu số liệu chi tiết tại Phụ lục III kèm theo báo cáo*)

II. VỀ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI

Trong 8 tháng đầu năm 2023, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và điều chỉnh đạt gần 416,34 triệu USD (*tăng 5,2% so với cùng kỳ*). Trong đó, có 79 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt gần 244,37 triệu USD (*bằng 70,8% so với cùng kỳ*); có 18 lượt dự án điều chỉnh với tổng vốn đầu tư tăng thêm hơn 171,96 triệu USD (*gấp 3,38 lần so với cùng kỳ*).

Các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài ở 14 ngành. Trong đó, bán buôn, bán lẻ dẫn đầu với 23 dự án đầu tư mới và 06 lượt điều chỉnh vốn, với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 150,28 triệu USD, chiếm 36,1% tổng vốn đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Ngành thông tin truyền thông đứng thứ hai với hơn 114,32 triệu USD, chiếm 27,5%; tiếp theo là các ngành sản xuất, phân phối điện, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; tài chính ngân hàng;...

Có 23 quốc gia, vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam trong 8 tháng năm 2023. Dẫn đầu là Canada với 01 dự án đầu tư mới và 01 dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 150,2 triệu USD, chiếm 36,1% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo lần lượt là Singapore, Lào, Cuba,...

Lũy kế đến 20/08/2023 Việt Nam đã có 1.665 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư Việt Nam gần 22,1 tỷ USD. Trong đó, có 141 dự án của các doanh nghiệp có vốn nhà nước, với tổng vốn đầu tư ra nước ngoài gần 11,67 tỷ USD, chiếm 52,8% tổng vốn đầu tư cả nước. Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài tập trung nhiều nhất vào các ngành khai khoáng (31,5%); nông, lâm nghiệp, thủy sản (15,5%). Các địa bàn nhận đầu tư của Việt Nam nhiều nhất lần lượt là Lào (24,7%); Campuchia (13,3%); Venezuela (8,3%);...

(Biểu số liệu chi tiết tại Phụ lục IV và V kèm theo báo cáo).